

GIỚI THIỆU LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHXH&NV

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

LÊ QUANG TRUNG. *Tổ chức thương mại thế giới và vấn đề gia nhập của Việt Nam*

Chuyên ngành: Kinh tế thế giới và Quan hệ kinh tế quốc tế

Mã số: 62 31 07 01

Đối với Việt Nam, hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành sự nghiệp quan trọng của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Nước ta đã chính thức là thành viên của nhiều thiết chế thương mại khu vực và quốc tế. Và, đây không phải là quá trình chỉ hưởng lợi một chiều. Tham gia hội nhập kinh tế quốc tế cũng có nghĩa là Việt Nam phải sẵn sàng tuân theo “luật chơi” chung như mọi quốc gia khác. Thực tiễn đó mở ra nhiều cơ hội lớn trong phát triển thương mại và kinh tế quốc dân, nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức mới đòi hỏi phải được xử lý thoả đáng để chúng không trở thành nguy cơ tác động tiêu cực đến nền kinh tế nước ta.

Ngày 7/11/2006, tại Geneva (Thụy Sĩ) đã diễn ra trọng thể *Lễ ký Nghị định thư về việc Việt Nam được chính thức gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO)*. Sự kiện này mở ra cơ hội mới cho sự phát triển đất nước và cả những thách thức cần phải vượt qua khi Việt Nam đã được tham gia vào tổ chức thương mại lớn nhất toàn cầu. Tuy nhiên, gia nhập WTO mới chỉ là bước đầu. Việc tận dụng tối đa môi trường phát triển thương mại của WTO trong giai đoạn “hậu” gia nhập sẽ phụ thuộc

rất nhiều vào chính sách thương mại và sự năng động của các doanh nghiệp Việt Nam.

Trong tình hình đó, nghiên cứu sinh Lê Quang Trung đã lựa chọn vấn đề “Tổ chức thương mại thế giới và vấn đề gia nhập của Việt Nam” để nghiên cứu nhằm góp phần giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong chính sách thương mại của nước ta, đề xuất một số giải pháp thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước và tham gia WTO một cách hiệu quả.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục các biểu bảng, sơ đồ, phần phụ lục và danh mục các công trình nghiên cứu của tác giả, luận án gồm 3 chương, 13 tiết (193 trang).

Chương I *Tổng quan về WTO* (tr.13-67) tập trung phân tích và làm rõ những vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn về sự hình thành và phát triển của WTO, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hoá đã và đang ảnh hưởng sâu sắc đến các quan hệ kinh tế thương mại toàn cầu, khu vực và từng quốc gia; những quy định và luật của WTO đang chi phối sự hình thành của chính sách thương mại của một quốc gia.

Bên cạnh đó, tác giả cũng khảo sát và phân tích kinh nghiệm của hai quốc gia tiêu biểu là Australia - đứng đầu nhóm Cairns, nhóm các quốc gia xuất khẩu nông nghiệp, điển hình cho một nền kinh tế tự do và hướng ngoại, và Trung Quốc – quốc gia láng giềng có nhiều nét tương đồng với Việt Nam về

điều kiện kinh tế, chính trị, đang nỗ lực chuyển đổi triệt để khỏi cơ chế kinh tế cũ, từng bước khẳng định vị trí của một nền kinh tế năng động trong khu vực. Tác giả nêu rõ những bài học cụ thể Việt Nam có thể tham khảo như: 1/ gắn mục tiêu bảo hộ với mục tiêu xuất khẩu hay khai thác lợi thế so sánh của quốc gia; 2/ thực hiện tự do hoá thương mại một cách chủ động, không phụ thuộc vào sức ép trực tiếp của hội nhập kinh tế quốc tế; 3/ đề cao vai trò của thương mại dịch vụ và chính sách về thương mại dịch vụ; 4/ gắn bó chặt chẽ chính sách thương mại với các chính sách vĩ mô khác, trong đó quan trọng nhất là việc tạo môi trường kinh doanh cạnh tranh tích cực.

Chương II: *Thực trạng chính sách và một số vấn đề đối với thương mại Việt Nam thời kỳ sau gia nhập WTO* (tr. 68-123).

Trên cơ sở phân tích *hiện trạng thương mại Việt Nam trước gia nhập WTO* (tiết 1); *tổng quan hiện trạng chính sách thương mại hàng hoá* - tiết 2 (về chính sách thuế quan, chính sách phi thuế quan) và *thực trạng chính sách thương mại dịch vụ* trong một số ngành dịch vụ chủ yếu - tiết 3 (về dịch vụ ngân hàng, tài chính, dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ viễn thông, dịch vụ vận tải đường thuỷ, dịch vụ xây dựng) trước và sau khi gia nhập WTO, tác giả đưa ra những đánh giá chung về những bất cập trong chính sách ảnh hưởng đến thương mại Việt Nam khi gia nhập WTO, như sau:

Thứ nhất, chất lượng tăng trưởng, tính bền vững và độ đồng đều chưa cao. Đến nay nước ta chưa xây dựng được một hệ thống thống kê khoa học về các hoạt động thương mại dịch vụ trong

nước và với quốc tế vì vậy, sự nhìn nhận, đánh giá về tình hình kinh doanh dịch vụ cũng không toàn diện và tin cậy, tạo cơ sở chắc chắn để chính sách của nhà nước có thể phát huy hiệu quả.

Thứ hai, đầu tư-thương mại giảm sút do lòng tin của các đối tác bị xói mòn. Một mặt, nạn tham nhũng tiếp tục là một trở ngại cho đầu tư và phát triển kinh tế; mặt khác, luật lệ thiếu minh bạch và cơ cấu chính quyền không có sự phân nhiệm và kiểm soát.

Thứ ba, thương mại Việt Nam tiếp tục bị phân biệt đối xử. Sự mơ hồ trong hiểu biết luật quốc tế, cũng như chậm trễ trong việc cập nhật, phổ biến các cam kết, luật lệ của WTO là một trong những nguyên nhân của các vụ kiện tụng kinh tế của doanh nghiệp Việt Nam vừa qua.

Thứ tư, bất cập về chính sách thương mại dịch vụ so sánh với quy định của WTO. Chính sách thương mại dịch vụ chưa được xây dựng một cách đồng bộ mà tùy thuộc vào các quyết định riêng rẽ của mỗi bộ/ngành chức năng căn cứ trên mục tiêu phát triển của từng ngành dịch vụ.

Thứ năm là cải cách cơ chế chính sách chậm.

Tóm lại, mặc dù kinh tế Việt Nam phát triển nhanh, đều đặn nhưng vẫn ẩn chứa những nguy cơ tiềm tàng đối với thương mại và nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Tác giả chỉ rõ, Hoạt động *thương mại hàng hoá* chủ yếu vẫn còn tập trung vào xuất khẩu tài nguyên, khoáng sản, dầu khí, thủy hải sản là hạn chế cần được khắc phục; *Thương mại dịch vụ* vẫn chưa có những chuyển

biến căn bản nhằm nâng cao hiệu quả và đẩy mạnh cả 4 phương thức: ...; Mục tiêu chính sách thương mại thiếu thống nhất, mức bảo hộ cao và dàn trải, tiêu chí xác định bảo hộ không rõ ràng; Chính sách thương mại dịch vụ thiếu nhất quán sẽ là hạn chế chủ yếu và là trở ngại đối với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước; Bên cạnh những bất cập trong chính sách, bệnh thành tích vẫn còn tồn tại và cần được khắc phục; Cơ chế quản lý và môi trường kinh doanh chưa phát huy tốt tính năng động của các doanh nghiệp và ngành kinh tế.

Trên cơ sở chương I và II, trong chương III, tác giả nêu rõ những cơ hội và thách thức khi Việt Nam đã gia nhập WTO, từ đó đưa ra *những biện pháp để Việt Nam gia nhập hiệu quả vào WTO* (tr. 124-184).

Trước tiên, tác giả hệ thống các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ khi chuẩn bị cho việc gia nhập WTO và thời kỳ “hậu” gia nhập; và khẳng định những lợi ích cũng như nêu rõ những thách thức đối với Việt Nam sau khi tham gia WTO.

Tiếp đó, trong 3 tiết cuối chương III, tác giả đưa ra một số kiến nghị:

Thứ nhất, đối với việc *tiếp tục điều chỉnh chính sách thương mại* bao gồm kiến nghị chung nhằm đẩy mạnh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế:

- nâng cao nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế, chống tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào bảo hộ của Nhà nước;

- nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế bằng cách tăng cường đổi

mới kinh tế trong nước hướng vào xuất khẩu, đầu tư thiết bị và công nghệ tiên tiến, triển khai các ngành mà Việt Nam có lợi thế trước mắt và lâu dài, tăng cường cải cách hành chính, đặc biệt là tổ chức thực hiện. Tăng cường năng lực và sự phối hợp của các bộ, ngành trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế;

- đẩy mạnh cải cách các doanh nghiệp nhà nước theo hướng nâng cao tính chủ động, hiệu quả và khả năng cạnh tranh đi đôi với việc giải quyết vấn đề việc làm và thay đổi ngành nghề của người lao động;

- coi trọng phát triển thị trường trong nước đi đôi với mở rộng thị trường xuất khẩu, quản lý tốt nhập khẩu cả hàng hoá và dịch vụ;

- hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của hệ thống văn bản pháp luật phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế;

- chuẩn bị sẵn sàng chấp nhận thách thức mở cửa thị trường để các ngành kinh tế phải vươn lên không trông chờ mãi vào bảo hộ của Nhà nước. Tích cực cải cách cả về Nhà nước và doanh nghiệp;

- đào tạo nguồn nhân lực cho tiến trình hội nhập và phát triển.

và các kiến nghị đối với việc hoàn thiện cơ chế phổ biến, đẩy mạnh công tác nghiên cứu phục vụ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; đổi mới chính sách thương mại hàng hoá; và đổi mới chính sách thương mại dịch vụ.

(xem tiếp trang 46)